

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày 01-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Bùi Thị Lùng;

+ Ông Ksor Y Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2020/TLST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Thông báo thời gian xét xử ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A (Gọi tắt là A). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1971 và chị Huỳnh Thị Hồng A, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại hồ sơ vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/4/2016, ông Đỗ Trọng N và bà Huỳnh Thị Hồng A có vay của Công ty A số nợ vay gốc là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 06/4/2016 đến 06/4/2017, lãi suất trong hạn là 7%, lãi suất quá hạn là 10,5%, đã

chuyển lãi quá hạn từ 07/4/2017, từ ngày vay đến nay ông N, bà A không trả được gốc và lãi. Do vậy, Công ty A khởi kiện yêu cầu ông N, bà A phải trả cho Công ty A số nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.116.667 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/10/2020 là 37.800.000 đồng.

Bị đơn ông Đỗ Trọng N, bà Huỳnh Thị Hồng A đã được tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của Công ty A yêu cầu ông N, bà A phải trả cho Công ty A toàn bộ số nợ vay ngày 06/4/2016 gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 06/6/2017 là 7.116.667 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 07/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 48.708.333 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 155.825.000 đồng.

- Bị đơn đã được tòa án triệu tập tại phiên tòa lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn và sổ vay vốn đều có chữ ký của ông N và bà A nên có căn cứ xử xác định đây là nợ chung của ông N và bà A. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn ông N, bà A có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh P, đúng với địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện và trong các hợp đồng vay vốn nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Hình. Ông N, bà A đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về yêu cầu khởi kiện:**

Căn cứ hợp đồng vay vốn ngày 06/4/2016, Công ty A chi nhánh huyện S có cho ông N, bà A vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, vay không thế chấp.

Trong giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn và sổ vay vốn đều có chữ ký của ông N và bà A nên có căn cứ để xác định đây là khoản nợ chung của ông N và bà A. Vì vậy hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A:

- Buộc ông N, bà A phải trả cho Công ty A số nợ vay ngày 06/4/2016 số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 06/4/20217 là 7.116.667 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 48.708.333 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng vay.

[3] **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14; Yêu cầu trả nợ của Công ty A được chấp nhận toàn bộ nên ông N, bà A phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 177, 192, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A:

+ Buộc ông Đỗ Trọng N và bà Huỳnh Thị Hồng A phải trả cho Công ty A số nợ vay ngày 6/4/2016 số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.116.667 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 48.708.333 đồng. Tổng cộng là 155.825.000 đồng.

+ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng vay.

2. Về án phí: Ông Đỗ Trọng N và bà Huỳnh Thị Hồng A phải chịu 7.791.000 đồng tiền án phí; Trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí 3.623.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005706 ngày 06 tháng 11 năm

2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Sông Hinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Bùi Lưu Chúc